

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PHÚ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và bà Lương Thị Phần;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú T tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXX-ST ngày 14/10/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 27/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 14/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt N (“VIB”).

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Sailinh Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thành C – chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và thu hồi nợ - Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ và bà Cấn Hải Y – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng bán lẻ - Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch Thanh Xuân.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Hồng D, ông Đỗ Hồng S và ông Trần Đức L (theo Giấy ủy quyền số: 001990.22 ngày 27/01/2022) – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tầng M, tòa nhà Hồng Hà, số 25 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi ĐKNKTT: Khu Tân H, xã Kim T, huyện Tân S, tỉnh Phú T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền cho Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền lại cho Nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/7/2021, Ngân hàng VIB - Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch quận Thanh X (sau đây viết tắt là VIB Thanh Xuân) đã ký hợp đồng tín dụng số 7839884.21 cho anh Đặng Văn T vay số tiền 696.000.000đ; mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô; lãi suất: Lãi thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi theo từng kỳ của VIB; thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 27/7/2021 đến 26/7/2029; phương thức trả nợ:

Thực hiện hợp đồng, ngày 23/7/2021 anh T đã nhận số tiền 696.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, ngày 23/7/2021, anh Thiết đã ký hợp đồng thế chấp số: 9768789.21 với Ngân hàng gồm tài sản là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số khung: RL2UMFF60MRR09326, số loại: RANGER, số máy: YN2QPMR09326; màu sơn: Trắng ngọc trai; Biển kiểm soát: 19C – 180.54

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 06/01/2022, anh T còn nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc là: 688.750.000đ, nợ lãi là 21.762.713đ, nợ lãi quá hạn là 884.119đ.

Trước đó, ngày 15/7/2021, anh Đặng Văn T đã đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại VIB – Phòng giao dịch Thanh X. Căn cứ đơn đề nghị của khách hàng, cùng ngày Ngân hàng đã chấp thuận và phát hành cho anh T được sử dụng thẻ tín dụng tại VIB với mức phê duyệt là 43.000.000đ. Hiện dư nợ của anh Thiết khi thanh toán trên thẻ là: 50.695.888đ, trong đó: Nợ gốc là 39.411.398đ và nợ lãi là 11.284.490đ.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông trả nợ, nhưng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Yêu cầu anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 7839884.21 ngày 23/7/2021. Tính đến ngày 06/01/2022, anh T còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là: 711.396.832 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 688.750.000đ, nợ lãi là 21.762.713đ, nợ lãi quá hạn là 884.119đ.*
- *Trường hợp, anh T không trả được nợ cho Ngân hàng, yêu cầu anh T bàn giao các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 9768789.21 ngày 23/7/2021 được ký kết giữa anh T với Ngân hàng để*

cơ quan có thẩm quyền xử lý nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng;

- *Yêu cầu anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng là: 50.695.888đ, trong đó: Nợ gốc là 39.411.398đ và nợ lãi là 11.284.490đ.*

[2]. Phía bị đơn, anh Đặng Văn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh T đã cố ý vắng mặt nên không có lời trình bày.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú T phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của [Bộ luật tố tụng dân sự](#). Bị đơn cố tình vắng mặt và không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đồng thời nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt Bị đơn, Nguyên đơn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không hợp tác đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành đi xác minh Ngày 16/8/2022, ngày 12/9/2022, thì thấy anh T vẫn có mặt ở nhà nhưng lại cố tình lẩn trốn. Không gặp được anh T, Tòa án đã đi thu thập chứng cứ để tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Đặng Văn T theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải, Biên bản định giá tài sản bảo đảm, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, có chữ ký và chữ viết của anh Đặng Văn T để so sánh với mẫu phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân có chữ ký, chữ viết của anh Đặng Văn T. Tại Bản kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh phú T số: 1396/KLGD - KTHS ngày 14/10/2022, thấy rằng mẫu cần giám định và mẫu so sánh nêu trên đều là một người ký và viết ra cần được chấp nhận.

Ngoài ra Tòa án đã có công văn số: 48/TA – TS ngày 01/11/2022 đề nghị Công an huyện Tân S, tỉnh Phú T xác minh chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu (Brand); FRD – Số loại (Modelcode); RANGER; số máy(Enginc^{N0}):YN2QPMR09326;số khung(Chassis ^{N0}) RL2UMFF60MRR09326 màu sơn (Color) trắng; Biển số đăng ký: 19C – 180.54 tên chủ xe Đặng Văn T. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông nêu trên của Công an thì thấy trạng thái xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của Ngân hàng. Hiện nay vẫn đứng tên anh Đặng Văn T.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều: 463, 466, 470, 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 13, 14, khoản 2 Điều 26 và Danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp tín dụng của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N đối với anh Đặng Văn T. Buộc anh Đặng Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7839884.21 ngày 23/7/2021. Tạm tính đến ngày 06/01/2022 anh T còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là: 711.396.832 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 688.750.000đ, nợ lãi là 21.762.713đ, nợ lãi quá hạn là 884.119đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng phải trả cho anh T các loại giấy tờ đã được liệt kê trong hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Trường hợp anh Đặng Văn T không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số: 7839884.21 ngày 23/7/2021, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Phú T xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số; 9768789.21 ngày 23/7/2021 để thu hồi nợ.

Về chi phí giám định: Buộc anh Đặng Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng 5.00.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về án phí: Buộc anh Đặng Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng VIB đã có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú T giải quyết tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” với anh Đặng Văn T, thường trú tại khu Tân H, xã Kim T, huyện Tân S, tỉnh Phú T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Văn T không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm. Vì vậy, theo yêu cầu của Nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ là “mẫu phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân” có chữ ký, chữ viết của anh Đặng Văn T tại Công an huyện Tân S để tiến hành Trưng cầu Giám định với chữ ký, chữ viết của anh T tại Hợp đồng tín dụng, các chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp.

Tại kết quả giám định số: 1396/KLGD-KTHS ngày 14/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T đã kết luận, Chữ ký dạng chữ viết “t” và các chữ “Đặng Văn T” trên hợp đồng tín dụng; Bản định giá tài sản bảo đảm; Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5) so với chữ ký dạng chữ viết “ t” và các chữ “Đặng Văn T” trên “ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân” ngày 19/7/2021 (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra Bút lục 152.

Mặt khác, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, Tòa án đã có Văn bản số: 48/TA – TS ngày 01/11/2022 đề nghị Công an huyện Tân S, tỉnh Phú T xác minh chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu (Brand); FRD – Số loại (Modelcode); RANGER; số máy(EngincN⁰): YN2QPMR09326; số khung (ChassisN⁰) RL2UMFF60MRR09326 màu sơn (Color) trắng; Biển số đăng ký: 19C – 180.54 tên chủ xe Đặng Văn T. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông nêu trên của Công an huyện Tân S ngày 08/11/2022, thì thấy trạng thái xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của Ngân hàng. Hiện nay vẫn đứng tên anh Đặng Văn T.

Tòa án nhân dân huyện Tân S tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn T, tuy nhiên anh cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về hợp đồng tín dụng, vi phạm hợp đồng yêu cầu của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù anh Đặng Văn T vắng mặt, tuy nhiên căn cứ trên lời trình bày của Ngân hàng, kèm theo các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng xuất trình cùng với kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án đã xác định: Ngày 23/7/2021, VIB Thanh X và anh Đặng Văn T đã ký hợp đồng tín dụng số 7839884.21, nội dung gồm các vấn đề chính sau:

Anh Đặng Văn T được Ngân hàng cho vay số tiền 696.000.000đ; mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô; lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm, được áp dụng trong 12 tháng đầu. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng/01 lần, cộng biên độ 4,1%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn; phương thức trả nợ: trả gốc và lãi vào ngày 05 hàng tháng. Anh T nhận đủ số tiền vay như Hợp đồng đã ký kết.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và anh T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch được thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đã có thông báo, đôn đốc anh T trả nợ, nhưng anh T không thực hiện đúng các cam kết với Ngân hàng.

HĐXX xét thấy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu anh T phải trả số tiền còn nợ là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự và các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 06/01/2022, với tổng số tiền là: 711.396.832đ, trong đó: Nợ gốc là: 688.750.000đ, nợ lãi là 21.762.713đ, nợ lãi quá hạn là 884.119đ.

Kể từ ngày 07/01/2022 đến ngày 29/11/2022, anh T phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Về hợp đồng thế chấp quyền sở hữu tài sản ngày 23/7/2021:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng với khoản vay, ngày 23/7/2021, anh T và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp với nội dung, anh T thế chấp tại Ngân hàng bằng quyền sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu: Ford, loại xe dưới 9 chỗ ngồi, biển kiểm soát 19C – 180.54, được định giá theo Biên bản ngày 12/7/2021 là 870.000.000đ. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Xét thấy, hợp đồng chấp được ký kết giữa Ngân hàng và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch theo quy định. Giá trị của tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp đủ để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hợp đồng thế chấp quyền sở hữu tài sản giữa Ngân hàng và anh T hợp pháp, nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.3. Về nghĩa vụ đối với thẻ tín dụng:

Ngày 15/7/2021, anh Đặng Văn T đã đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại VIB – Phòng giao dịch Thanh X. Căn cứ đơn đề nghị của khách hàng, cùng ngày Ngân hàng đã chấp thuận và phát hành cho anh T được sử dụng thẻ tín dụng tại VIB với mức phê duyệt là 43.000.000đ. Hiện dư nợ của anh T khi thanh toán trên thẻ là: 50.695.888đ, trong đó: Nợ gốc là 39.411.398đ và nợ lãi là 11.284.490đ.

Như vậy, căn cứ vào nhu cầu cá nhân, VIB đã chấp thuận cấp hạn mức tín dụng dùng thẻ cho anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với VIB, vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB đối với số tiền gốc và lãi anh T còn nợ là phù hợp.

Xem xét Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và yêu cầu thanh toán nợ trên thẻ tín dụng giữa anh T và Ngân hàng thì thấy, yêu cầu của Ngân hàng là

phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp anh T không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7839884.21 ngày 23/7/2021, thì yêu cầu anh Đặng Văn T phải có trách nhiệm bàn giao các tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp ngày 23/7/2021, cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Khi anh T thực hiện được đầy đủ các nghĩa vụ, được bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp, thì Ngân hàng phải trả cho anh T toàn bộ các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh T đã được liệt kê trong Hợp đồng thế chấp.

[3]. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí giám định: Theo Biên nhận thu tiền ngày 14/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T thì chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên anh T phải có nghĩa vụ chịu chi phí giám định. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí giám định, nên anh Thiết phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh Đặng Văn T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cố ý vắng mặt, không có hồ sơ đề nghị miễn, giảm án phí, nên cần buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đặng Văn T phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Bị đơn anh Đặng Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, số tiền cụ thể là:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 7839884.21 ngày 23/7/2021 tạm tính đến ngày 06/01/2022 là 711.396.832đ (Bảy trăm mười một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi hai đồng)

- Dư nợ khoản vay thẻ tín dụng theo đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 15/7/2021 tạm tính đến ngày 06/01/2022 là 50.695.888đ (Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)

Tổng hai khoản là: 762.092.720(Bảy trăm sáu mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng) = 34.483.708đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm linh tám đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.240.000đ (Mười bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2020/0007413 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Phú T.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều: 463, 466, 470, 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 13, Điều 14, khoản 2 Điều 26 và Danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N đối với anh Đặng Văn T.

Buộc anh Đặng Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt N tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7839884.21, tạm tính đến ngày 06/01/2022 là: 711.396.832 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 688.750.000đ, nợ lãi là 21.762.713đ, nợ lãi quá hạn là 884.119đ.

Kể từ ngày 07/01/2022 đến ngày 29/11/2022, anh T phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng phải trả cho anh T các loại giấy tờ đã được liệt kê trong hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Trường hợp anh T không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc anh Đặng Văn T còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N liên quan đến việc anh T thanh toán các giao dịch từ thẻ tín dụng số tiền là 50.695.888đ, trong đó: Nợ gốc là 39.411.398đ và nợ lãi là 11.284.490đ.

2. Về chi phí giám định: Buộc anh Đặng Văn T phải hoàn trả 5.000.000đ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N.

3. Về án phí: Buộc anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 7839884.21 ngày 23/7/2021 tạm tính đến ngày 06/01/2022 là 711.396.832đ (Bảy trăm mười một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi hai đồng)

- Dư nợ khoản vay thẻ tín dụng theo đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 15/7/2021 tạm tính đến ngày 06/01/2022 là 50.695.888đ (Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)

Tổng hai khoản là: 762.092.720(Bảy trăm sáu mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng) = 34.483.708đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm linh tám đồng)

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.240.000đ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú T xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Côn